

*

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 6 năm 2025

ĐIỂM THI HẾT PHẦN

**Học phần: A.III: Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa;
IV: Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**

Lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung A55B, khóa học 2025 - 2026

Số học viên: 50 học viên

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Ghi chú
01	Huỳnh Thị Mỹ	Ái	09/6/1994	<i>Vắng thi có lý do</i>	
02	Bùi Đức	An	18/11/1993	7,50	<i>Bảy phẩy năm</i>
03	Phan Hữu	Ân	01/9/1994	7,75	<i>Bảy phẩy bảy năm</i>
04	Nguyễn Tú	Anh	22/10/1990	8,00	<i>Tám</i>
05	H Nghìn	Ayũn	24/02/2004	7,50	<i>Bảy phẩy năm</i>
06	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	19/02/1990	7,75	<i>Bảy phẩy bảy năm</i>
07	Nguyễn Hà Ngọc	Dũng	10/3/1995	8,50	<i>Tám phẩy năm</i>
08	Hà Ngọc	Dưỡng	26/7/1994	7,75	<i>Bảy phẩy bảy năm</i>
09	Lê Minh	Hải	21/10/1981	7,50	<i>Bảy phẩy năm</i>
10	Trương Thị Thuý	Hằng	20/8/1992	8,00	<i>Tám</i>
11	Giàng Seo	Hồ	23/6/2000	7,50	<i>Bảy phẩy năm</i>
12	Nguyễn Tiến	Hoài	23/12/1981	7,00	<i>Bảy</i>
13	Nguyễn Thị	Hường	17/8/1993	8,00	<i>Tám</i>
14	H' Huệ	Hwing	27/4/1996	8,00	<i>Tám</i>
15	Nay Thit Nhi	Kđoh	03/3/1994	7,50	<i>Bảy phẩy năm</i>
16	Nguyễn Thị Hồng	Liên	02/9/1991	8,00	<i>Tám</i>
17	Bùi Thị	Mai	20/12/1991	7,00	<i>Bảy</i>



Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Ghi chú
18	Y Khương	Miô	23/11/2000	7,50	Bảy phẩy năm
19	Vũ Văn	Nam	15/10/1981	8,50	Tám phẩy năm
20	Nguyễn Trần Thu	Nga	02/02/1994	8,25	Tám phẩy hai năm
21	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/02/2002	8,00	Tám
22	Nguyễn Lê Như	Ngọc	25/6/1985	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Đoàn Tô Trọng	Nhân	04/10/1994	8,00	Tám
24	Trần Hồng	Nhung	25/9/1997	8,00	Tám
25	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	08/6/1993	8,00	Tám
26	Mai Thị Hồng	Nhung	17/3/1992	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Võ Tiến Phương	Niê	30/5/1990	8,50	Tám phẩy năm
28	Đình Quốc	Phong	04/4/1985	8,00	Tám
29	Nguyễn Lương	Phúc	19/8/1991	7,00	Bảy
30	Lê Thị	Phương	20/9/1993	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Thái Hồng	Quân	28/6/1986	7,00	Bảy
32	Lê Thị	Quyên	10/10/1992	8,00	Tám
33	Nguyễn Văn	Quyết	11/9/1987	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Vũ Ngọc	Sơn	05/9/1990	7,50	Bảy phẩy năm
35	Nguyễn Văn	Thắng	01/4/1989	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nguyễn Thị	Thom	20/02/1992	QĐ Bảo lưu kết quả số: 320/QĐ-TCT, ngày 22/5/2025	
37	Lý Thị	Thu	13/11/1995	7,75	Bảy phẩy bảy năm
38	Nguyễn Vũ	Thuận	17/02/1986	7,00	Bảy
39	Lê Thị	Thương	16/01/1999	7,75	Bảy phẩy bảy năm

ĐAN
ƯỜNG
NH T

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	Ghi chú
40	Nguyễn Thị Tịnh	11/11/1988	8,00	Tám
41	Huỳnh Thị Thuỳ Trang	20/8/1992	8,00	Tám
42	Bùi Thị Thảo Trang	30/10/1993	7,75	Bảy phẩy bảy năm
43	Hà Văn Trung	09/4/1987	8,00	Tám
44	Nguyễn Duy Trung	12/6/1988	7,00	Bảy
45	Đặng Minh Tuấn	14/5/1992	7,00	Bảy
46	Nông Hữu Tuý	26/12/1996	7,25	Bảy phẩy hai năm
47	Nguyễn Thị Thảo Uyên	18/01/1996	8,00	Tám
48	Hoàng Thị Tường Vi	15/01/1991	7,75	Bảy phẩy bảy năm
49	Ksor Sáo Bun Viêng	01/01/1992	8,25	Tám phẩy hai năm
50	Võ Trung Vĩnh	02/02/1983	7,50	Bảy phẩy năm

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM



CN. Ra Lan Nguyệt

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH



TS. Lê Duyên Hà